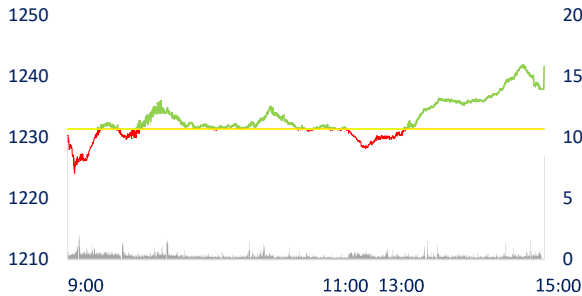
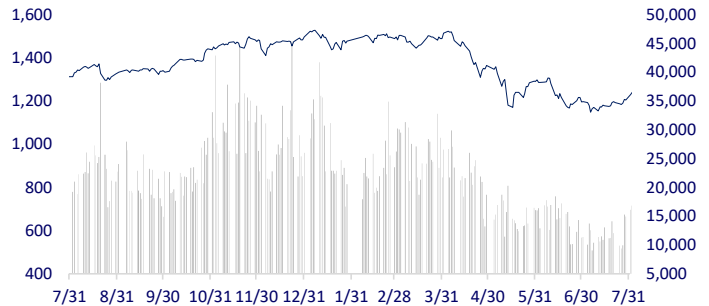
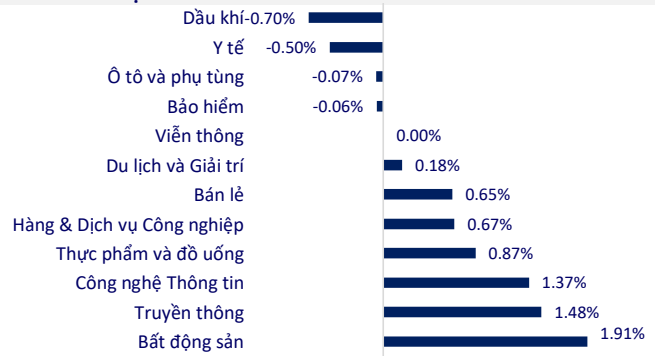


TTCK VIỆT NAM	1D	YTD
VN-INDEX	1,241.62 0.83%	-17.13%
VN30	1,265.97 0.77%	-17.56%
HNX	295.84 0.41%	-37.59%
UPCOM	90.13 0.24%	-20.01%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	385.28	
Tổng GTGD (tỷ)	20,087.12 6.84%	-35.35%

Kết thúc phiên giao dịch ngày 2/8, Khối ngoại giao dịch vẫn khá tích cực khi mua vào 54,7 triệu cổ phiếu, trị giá 1.446 tỷ đồng, trong khi bán ra 40 triệu cổ phiếu, trị giá 1.073 tỷ đồng. Tổng khối lượng mua ròng ở mức 14,89 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị mua ròng là 374 tỷ đồng. Tương tự như phiên trước, khối ngoại sàn HOSE vẫn mua ròng mạnh nhất mã SSI với 182 tỷ đồng.

INTRADAY VNINDEX 2/8/2022

VNINDEX (1Y)


ETF & PHÁI SINH	1D	YTD
E1VFN30	21,300 0.95%	-17.54%
FUEMAV30	14,910 0.81%	-17.58%
FUESSV30	15,420 -13.42%	-18.84%
FUESSV50	18,120 0.72%	-20.87%
FUESSVFL	17,400 0.29%	-22.60%
FUEVFN30	26,420 0.27%	-5.81%
FUEVN100	16,300 2.52%	-24.12%
VN30F2303	1,239.30 0.03%	
VN30F2212	1,242.20 0.24%	
VN30F2209	1,243.00 0.23%	
VN30F2208	1,245.90 0.12%	

THAY ĐỔI GIÁ TẠI CÁC NGÀNH


THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI	1D	YTD
Nikkei	27,594.73 -0.25%	-4.16%
Shanghai	3,186.27 -2.26%	-12.46%
Kospi	2,439.62 -0.52%	-18.07%
Hang Seng	19,689.21 -2.36%	-15.85%
STI (Singapore)	3,239.15 0.01%	3.70%
SET (Thái Lan)	1,589.16 -0.26%	-4.13%
Dầu thô (\$/thùng)	93.34 -0.37%	22.01%
Vàng (\$/ounce)	1,790.45 -0.28%	-1.67%

Chứng khoán châu Á đồng loạt đi xuống sau phiên giảm điểm trên phố Wall. Chỉ số Hang Seng của Hong Kong giảm 2,36%. Tại Trung Quốc, chỉ số Shanghai Composite giảm 2,26%. Tại Nhật Bản, chỉ số Nikkei 225 giảm 0,25%, chỉ số Kospi (Hàn Quốc) giảm 0,52%. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Hàn Quốc tăng 6,3% trong tháng 7 so với cùng kỳ năm 2021, mức tăng mạnh nhất từ tháng 11/1998. Cũng trong tháng 7, Ngân hàng trung ương Hàn Quốc đã tăng lãi suất thêm 0,5%.

KINH TẾ VĨ MÔ	1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	4.18% -1	337
Lãi suất tiết kiệm 12T	5.60% 0	0
TPCP - 5 năm	3.11% -2	210
TPCP - 10 năm	3.60% -3	160
USD/VND	23,498 -0.01%	2.43%
EUR/VND	24,639 -0.34%	-6.91%
CNY/VND	3,526 0.14%	-3.61%

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Bình Định cho biết, tỉnh này đã thu hút được 44 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư 10.768,42 tỷ VNĐ và thực hiện tăng vốn đầu tư 09 dự án, với tổng vốn tăng thêm 5.196,44 tỷ VNĐ. Trong đó, phân theo lĩnh vực: 31 dự án thuộc lĩnh vực Công nghiệp; 09 dự án thuộc lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch; 03 dự án thuộc lĩnh vực bất động sản và 01 dự án lĩnh vực công nghệ thông tin.

LỊCH SỰ KIỆN

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
VTD	8/2/2022	8/3/2022		Cổ phiếu	1:1	
LHC	8/2/2022	7/4/2022		Cổ phiếu	1:1	
BTT	8/3/2022	8/4/2022	8/15/2022	Tiền mặt		700
VC3	8/3/2022	8/4/2022		Cổ phiếu	2:1	10,000
L10	8/4/2022	8/5/2022	8/25/2022	Tiền mặt		1,000
AAV	8/4/2022	8/5/2022		Cổ phiếu	1000:35	
SCS	8/5/2022	8/8/2022		Cổ phiếu	100:85	
PVD	8/5/2022	8/8/2022		Cổ phiếu	10:1	

TIN TỨC CHỌN LỌC

Hạ tầng dẫn lối dòng vốn vào Ninh Thuận

Bình Định thu hút 44 dự án mới, tổng vốn gần 16.000 tỷ đồng

Dự án BOT luồng sông Sài Gòn phá sản vì không thu được phí

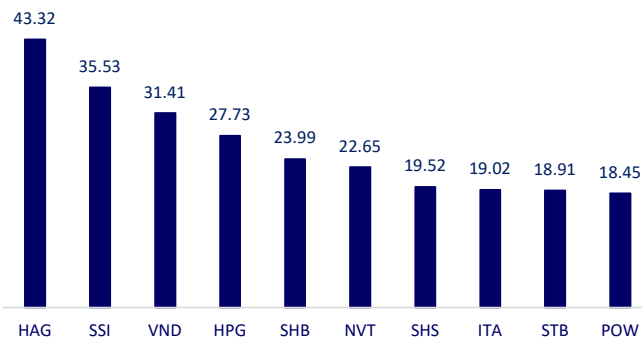
Ngân hàng trung ương Australia tăng lãi suất 4 tháng liên tiếp

Khủng hoảng bất động sản Trung Quốc có nguy cơ kéo ngành thép đi xuống

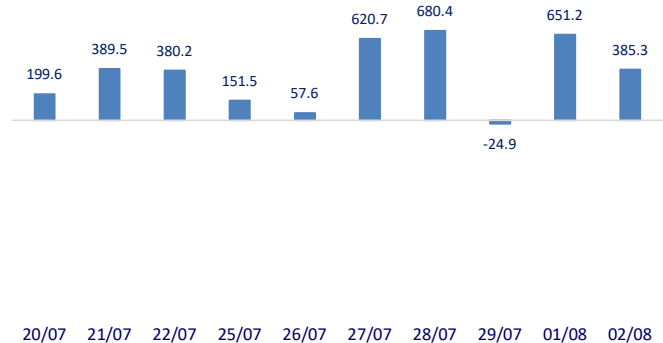
Xuất khẩu ngũ cốc ở Ukraine được nối lại: Tháo gỡ nút thắt nguồn cung lương thực

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	78,900	2.47%	6.77%	3,031,700	2,734,400	<p>BID: BIDV vừa công bố báo cáo tài chính quý II/2022 với lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 11.084 tỷ đồng, tăng 37,5% so với cùng kỳ năm trước, đạt 53,8% kế hoạch năm. Tổng tài sản hợp nhất cuối quý II/2022 đạt trên 1,98 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 12,4% so với đầu năm. Trong hoạt động tín dụng, cho vay khách hàng đạt trên 1,48 triệu tỷ đồng, tăng 9,5% so với đầu năm, tốc độ tăng trưởng cao hơn so với mức thực hiện cùng kỳ các năm trước; trong đó, dư nợ tín dụng tăng trưởng tốt ở các phân khúc khách hàng FDI (32,7%), khách hàng bán lẻ (15,8%) và khách hàng doanh nghiệp SME (8,3%).</p>
BID	38,500	-1.28%	8.30%	3,470,300	4,207,700	
CTG	28,600	-0.35%	7.72%	7,937,200	9,975,400	
TCB	38,300	-0.78%	4.64%	7,958,800	8,611,700	
VPB	29,050	-0.17%	4.87%	19,216,000	25,116,200	
MBB	26,700	0.75%	6.16%	17,836,200	19,141,100	
HDB	24,850	0.61%	5.30%	5,866,800	4,077,300	
TPB	27,650	1.47%	2.41%	3,854,900	4,305,700	
STB	24,950	-0.99%	8.71%	32,199,400	33,795,900	
VIB	26,600	-0.19%	3.70%	3,230,700	4,010,600	
ACB	24,900	-0.40%	3.53%	6,080,000	5,657,500	
NVL	75,700	1.34%	2.44%	3,865,400	3,547,800	<p>KDH: Lũy kế trong 6 tháng đầu năm, Nhà Khang Điền ghi nhận doanh thu đạt 875,2 tỷ đồng, giảm 55,1% so với cùng kỳ tuy nhiên lợi nhuận sau thuế đạt 625,39 tỷ đồng, tăng 32,2% so với cùng kỳ.</p>
KDH	38,900	1.04%	4.99%	1,930,500	2,022,600	
PDR	53,800	0.37%	2.87%	2,307,400	1,933,900	
GAS	108,200	0.28%	3.34%	1,083,100	1,018,800	<p>POW: Tổng công ty điện lực dầu khí Việt Nam ghi nhận 7.462 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước do giá than và khí tăng cao.</p>
POW	13,750	1.85%	5.77%	40,486,900	39,248,200	
PLX	41,000	-1.91%	0.37%	2,141,900	2,296,300	
VIC	66,600	2.94%	0.76%	2,577,600	2,307,800	<p>VIC: Vingroup đề nghị Chính phủ cho phép doanh nghiệp tài trợ hoặc tham gia vào điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 các dự án nhà ở xã hội để đẩy nhanh tiến độ.</p>
VHM	62,500	4.17%	6.47%	7,424,600	7,109,100	
VRE	29,000	0.00%	11.32%	3,462,100	3,659,200	
VNM	73,400	-0.14%	1.94%	4,617,600	5,117,100	<p>MSN: Đánh giá lại khoản đầu tư vào Phúc Long, Masan báo lãi 3.100 tỉ đồng nửa đầu năm 2022.</p>
MSN	110,000	0.55%	0.00%	1,768,000	1,864,400	
SAB	187,800	2.62%	11.99%	535,000	369,400	
BVH	127,500	0.31%	1.92%	544,600	444,000	<p>GVR: Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu thuần của GVR là 10.478 tỷ đồng, gần như đi ngang so với cùng kỳ, lãi ròng 6 tháng đầu năm của Công ty đạt gần 2,123 tỷ đồng, tăng 35%. Năm 2022, GVR đặt mục tiêu doanh thu đạt 29.707 tỷ đồng, tăng gần 5% so với năm 2021. Tuy nhiên, mục tiêu lãi sau thuế chỉ ở mức 5.340 tỷ đồng, đi ngang so với kết quả năm trước.</p>
VJC	127,500	0.31%	1.92%	544,600	444,000	
FPT	85,000	1.19%	0.24%	3,847,700	2,825,800	
MWG	62,000	1.14%	-1.59%	4,400,600	4,462,400	
GVR	24,800	0.40%	9.01%	4,533,300	4,395,500	
SSI	23,200	1.75%	14.57%	60,616,800	59,606,100	
HPG	22,900	0.44%	5.77%	43,919,300	54,968,600	

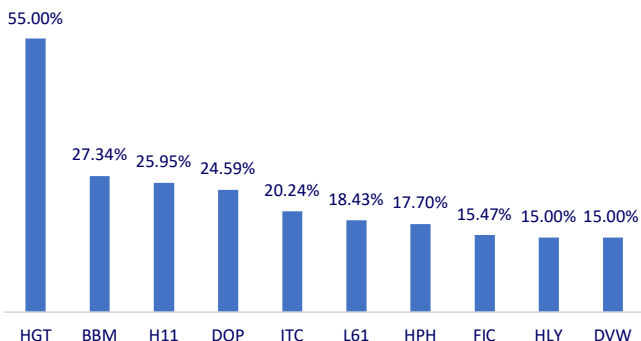
Top CP giao dịch nhiều nhất (khối lượng CP - triệu)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên liên tiếp



Top giảm 3 phiên liên tiếp

